TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DSST
Ngày: 16/5/2022
"V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Nghĩa và bà Mai Thị Ngọc Tuyết

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Phụng Kiều - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2021/TLST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2021/QĐST - DS ngày 22 /12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 14/01/2022, Thông báo thời gian mở phiên toà ngày 15/02/2022, Thông báo hoãn thời gian mở phiên toà ngày 25/02/2022, Thông báo thời gian mở lại phiên toà ngày 14/3/2022, Quyết định tạm ngừng số 11/QĐST-DS ngày 31/3/2022 và Thông báo thời gian mở lại phiên toà ngày 25/4/2022 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị S, sinh năm 1964; nơi cư trú: 27 đường T, phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Trần Minh H, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1972; nơi cư trú: 2/9 đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị S trình bày được tóm tắt như sau:* Yêu cầu vợ chồng ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Ngọc H trả 5.200.000đ tiền nợ gốc mua xe trả góp và tiền lãi trường hợp pháp luật cho tính *(theo Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 21/8/2014).*

** Bị đơn vợ chồng ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt nên không trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T trình bày được tóm tắt như sau:* Ông là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân thương mại (DNTN TM) T chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, được bà Hồ Thị S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông T không phải là chủ sở hữu các xe mô tô do DNTN TM T bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà Sương giữ). Bản thân ông là chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy loại cup 50 (Giấy đăng ký xe biển số 78AF-020.96 và 78AF-02039).

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461 và 305 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 5.200.000đ mua xe và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 21/8/2014 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Về án phí: buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về hợp đồng mua bán tài sản, là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự: Trước ngày mở phiên tòa, nguyên đơn bà S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/5/2022 có nội dung đề nghị hoãn phiên tòa, lý do bà S xác minh ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Ngọc H không có hộ khẩu và không có mặt ở tại địa chỉ 2/9 đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, tại kết quả xác minh ngày 09/9/2021, Công an phường 4, thành phố Tuy Hoà cung cấp ông Minh H và bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện tại cả hai có mặt tại địa chỉ nêu trên. Do đó, lý do xin hoãn phiên tòa của bà S là không thuộc trường hợp phải hoãn phiên toà theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Cùng với việc khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản gốc Hợp đồng kinh tế mua xe máy lập ngày 21/8/2014, người mua xe ông Trần Minh H, người bảo lãnh Nguyễn Thị Ngọc H, mua xe hiệu HongKing, số máy 000609, biển số 78M1 - 5635, còn nợ số tiền 5.200.000đ, thời hạn trả góp 12 tháng, mỗi tháng trả 434.000đ. Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp chứng cứ chứng minh quyền sở hữu đối với xe mô tô hiệu HongKing, số máy 000609, biển số 78M1-5635 (Giấy đăng ký xe) nhưng bà S không cung cấp.

[3.2] Căn cứ Công văn số 1207/CSGT ngày 27/4/2021 (bút lục 10) của Công an tỉnh Phú Yên cung cấp: thông tin chủ xe mô tô 78M1-5635, số máy VHK154FMJ000609,số khung VHKWCJ113HK000609, nhãn hiệu HONGKINGS là ông Lê Văn T. Đối chiếu với lời khai của ông T, bà S đủ cơ sở xác định: Xe mô tô biển số 78M1 - 5635 là tài sản của DNTN TM T; ông T chỉ là người đứng tên hộ trên giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe; toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên trên giấy đăng ký xe do bà S giữ. Do đó, xe mô tô biển số 78M1 - 5635 mà DNTN TM T bán cho ông Trần Minh H là tài sản của DNTN TM T. Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 21/8/2014 giữa DNTN TM T và ông H có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

[3.3] Bà S yêu cầu ông Minh H và bà H trả nợ tiền mua xe 5.200.000đ. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng, ông Minh H và bà H là vợ chồng nên nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán xe máy trả góp nêu trên là nợ chung của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Minh H và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc đã trả nợ tiền mua xe cho bà Sương. Do đó, cần buộc ông Minh H và bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua xe máy còn nợ lại cho bà S là 5.200.000đ.

[3.4] Về tiền lãi chậm trả tiền: Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Sương trình bày: nếu pháp luật cho tính lãi thì tính, nếu pháp luật không cho tính thì không tính. Ngày 31/3/2022, Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà có văn bản số 192/TB yêu cầu bà S trình bày cụ thể nội dung yêu cầu tính tiền lãi nhưng bà S không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nội dung yêu cầu này.

[4] Sau khi ông Minh H, bà H trả xong nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1 - 5635 thì bà S và ông T phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên cho ông Minh H và bà H.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị S, buộc vợ chồng ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả cho bà Hồ Thị S khoản tiền nợ theo Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày 21/8/2014 là 5.200.000đ *(Năm triệu hai trăm nghìn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ông Trần Minh H bà Nguyễn Thị Ngọc H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1-5635, số máy VHK154FMJ000609, số khung VHKWCJ113HK000609 thì bà S và ông Lê Văn T làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông Minh H và bà H, lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 do vợ chồng ông Minh H, bà H nộp.

Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vợ chồng ông Trần Minh H và bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị S số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0007097 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Tuy Hòa;
-TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu